TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 30/10/2020.
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Nhuận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông Ngô Thành Long.

2/. Bà Trần Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Diền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2020/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 8 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Sơn Thị T, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp CN, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Anh Sơn T, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp VT, xã Vĩnh Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện lập ngày 24/6/2020, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Sơn Thị T trình bày:**

Vào ngày 21/10/2008 chị và anh Sơn T có đăng ký kết hôn với nhau và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Quá trình chung sống anh, chị có hai con chung tên Sơn Thị Ngọc Y, sinh ngày 03/02/2003 và Sơn T B, sinh ngày 18/6/2006, hiện nay đang sống chung với anh

T. Quá trình chung sống anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống, không hợp nhau về tính cách, quan hệ hôn nhân không có hạnh phúc và giữa hai người đã ly thân kể từ năm 2009 cho đến nay. Vì vậy, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: chị yêu cầu ly hôn với anh Sơn T.

Về con chung: chị đồng ý giao hai con chung tên Sơn Thị Ngọc Y, sinh ngày 03/02/2003 và Sơn T B, sinh ngày 18/6/2006 cho anh Sơn T nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: không yêu cầu giải quyết.

*** Tại biên bản lấy lời khai lập ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, anh Sơn T trình bày**:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Sơn Thị T về quan hệ hôn nhân, con chung và mâu thuẫn gia đình. Nay giữa anh, chị đã không còn tình cảm vợ chồng, nên thống nhất đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung, anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Sơn Thị Ngọc Y, sinh ngày 03/02/2003 và Sơn T B, sinh ngày 18/6/2006, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng sau khi ly hôn anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Sơn Thị T được ly hôn với anh Sơn T, về con chung giao Sơn Thị Ngọc Y, sinh ngày 03/02/2003 và Sơn T B, sinh ngày 18/6/2006 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa:

Bị đơn anh Sơn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng anh vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt anh Sơn T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Sơn Thị T và anh Sơn T tự nguyện kết hôn với nhau, tại thời điểm đăng ký kết hôn anh, chị đã đủ điều kiện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/01/2014, do vậy hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc và có con chung là Sơn Thị Ngọc Y, sinh ngày 03/02/2003 và Sơn T B, sinh ngày 18/6/2006. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống thì anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong lối sống, không hợp nhau về tính cách, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, hai người không thể tiếp tục chung sống với nhau, nay anh chị đều thuận tình ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của chị T và anh T đã không còn, mâu thuẫn giữa các bên không thể khắc phục, cuộc sống của anh, chị đã không mang lại hạnh phúc. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh T để tạo điều kiện cho mỗi người tạo dựng cuộc sống mới.

[3]. Về con chung:

Trong quá trình chung sống chị Sơn Thị T và anh Sơn T có một con chung là cháu Sơn Thị Ngọc Y, sinh ngày 03/02/2003 và Sơn T B, sinh ngày 18/6/2006, hai cháu chung sống với anh T kể từ khi vợ chồng ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Nay chị T đồng ý giao cho anh T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu đến tuổi trưởng thành và phía chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh có đầy đủ điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng hai cháu. Xét thấy để đảm bảo cuộc sống của hai cháu được ổn định không bị xáo trộn về mặt tâm lý cũng như điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Ngọc Yến và cháu Thanh Bình cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tròn 18 (*mười tám*) tuổi theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Giành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho chị T không ai được quyền ngăn cản chị thực hiện hợp pháp quyền này. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Về phân chia tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn:

Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Sơn Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong vụ án và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Sơn Thị T được ly hôn với anh Sơn T.

2/ Về con chung: Giao cháu Sơn Thị Ngọc Y, sinh ngày 03/02/2003 và Sơn T B, sinh ngày 18/6/2006 cho anh Sơn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tròn 18 (*mười tám*) tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh T không yêu cầu nên phía chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Giành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị T, không ai được quyền ngăn cản chị thực hiện hợp pháp quyền này.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Sơn Thị T phải chịu số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0003577 ngày 06/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng NVKT-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND Vĩnh Quới, thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Quang Nhuận